

**KẾ HOẠCH  
Năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Công văn số 3009/LĐTBXH-VPQGNN ngày 05/8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Đắk Lắk; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk xây dựng Kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (gọi tắt là Chương trình) giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 7 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

**1. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện**

- Về công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo:

Thực hiện Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1875/BKHĐT-TCTT ngày 25/3/2022 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương, UBND tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 08/06/2022; Trưởng Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG của tỉnh ban hành Quyết định số 71/QĐ-BCĐ ngày 08/6/2022 ban hành Chương trình công tác năm 2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đắk Lắk để phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan tham mưu gắn với thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quản lý, điều hành thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị mình; rà soát nội dung để xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo theo hướng điều chỉnh, bổ sung Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 52/QĐ-BCĐ cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và các quy định liên quan. Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Chỉ đạo, các cơ quan tham mưu, giúp việc và các địa phương cũng đã tích cực đóng góp, phát huy tinh thần trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình trong việc thực hiện Chương trình.

Một số UBND cấp huyện và cấp xã cũng đã thực hiện rà soát, kiện toàn

Ban Chỉ đạo cấp huyện và Ban quản lý cấp xã để đảm bảo hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo các cấp, Ban quản lý cấp xã.

- Về công tác chỉ đạo điều hành:

Các sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao đã chủ động ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành, triển khai thực hiện từng Chương trình, nhằm đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu của từng Chương trình trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022.

## **2. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện các Chương trình**

Căn cứ các quy định và hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022); ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 15/7/2022 tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025; ban hành Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 29/8/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021- 2025.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đang đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng một số văn bản như: Quyết định quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết về cơ chế lồng ghép và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định về giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) và giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn ĐTPT thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2022... Tổng hợp, rà soát và tổ chức họp thống nhất các ngành để trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ dự toán vốn sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2022.

## **3. Kết quả triển khai công tác kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các chương trình**

Thực hiện Kế hoạch số 181/KH-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh về giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; căn cứ nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát, các sở, ban, ngành và địa phương cũng đã chủ động xây dựng báo cáo và nội dung để phục vụ làm việc với Đoàn giám sát. Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Chuyên đề Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai CTMTQG XD NTM và GNBV GD 2016 - 2020" (niên độ 2020), UBND tỉnh đã báo cáo Kiểm toán Nhà nước về kết quả thực hiện các kiến nghị theo quy định.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2022: Phần đầu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trên toàn tỉnh đạt từ 1,5 - 2,0%; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3,0 - 4,0%. Ước cuối năm đạt 100% kế hoạch đề ra.

## III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ GIẢM NGHÈO

**1. Chính sách tín dụng ưu đãi:** Giải quyết cho vay đối với 34.283 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách, với doanh số cho vay là 1.312.944 triệu đồng (trong đó, có vay ưu đãi hộ nghèo là 7.951 hộ, với doanh số 362.630 triệu đồng).

**2. Hỗ trợ khuyến nông, lâm và phát triển thủy sản:** Đã tổ chức tập huấn khuyến nông viên mới cho các học viên thuộc hộ nghèo, hộ DTTS... tham dự; thực hiện được các mô hình, dự án khuyến nông thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; số hộ nghèo được hỗ trợ là 448 hộ với kinh phí là 645 triệu đồng.

**3. Chính sách hỗ trợ về học nghề:** Tổ chức 25 lớp đào tạo nghề cho 875 lao động nông thôn là người nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số... tham gia, tổng kinh phí thực hiện là 2.900 triệu đồng (ngân sách của huyện, thị xã, thành phố); đào tạo nghề phi nông nghiệp, nông nghiệp.

**4. Hỗ trợ về y tế:** Toàn tỉnh đã cấp 822.520 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và các đối tượng được ngân sách hỗ trợ do ngành Lao động - Thương và Xã hội quản lý (trong đó có 98.041 người nghèo), với số tiền là 652.604 triệu đồng. Số người nghèo, cận nghèo và các đối tượng được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế là 922.796 lượt người (trong đó có 116.733 người nghèo), với số tiền 599.041 triệu đồng.

**5. Chính sách hỗ trợ về giáo dục:** Thực hiện chính sách hỗ trợ học phí, chi phí học tập, hỗ trợ gạo, hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở... cho 69.835 lượt học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, DTTS... với kinh phí thực hiện 137.722 triệu đồng.

**6. Trợ giúp pháp lý:** Ngành Tư pháp đã cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí 209 vụ việc, trong đó có 25 lượt người nghèo, 91 lượt người DTTS; thực hiện 02 đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở tại 02 xã, trong đó tập trung tại các xã, thôn buôn đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã biên giới trên địa bàn tỉnh, với hơn 200 người tham dự, đã tư vấn trực tiếp 02 vụ việc cho người nghèo và người DTTS. Tổng kinh phí thực hiện là 1.702 triệu đồng.

**7. Kết quả hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể:**

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Đã hỗ trợ cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các hộ gia đình khó khăn... với các hoạt động như: xây

mới, sửa chữa nhà ở, tặng quà Tết, hỗ trợ phát triển sản xuất, y tế, giáo dục, công trình vệ sinh, nước sạch với số tiền là 36.508 triệu đồng;

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ cho phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số... như: tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân cho vay khởi nghiệp, hỗ trợ vật nuôi, trao sinh kế khoa học kỹ thuật, nhà ở, công trình vệ sinh... với kinh phí hơn 21.350 triệu đồng;

- Hội Cựu chiến binh tỉnh: Triển khai các hoạt động xây dựng quỹ hội, xóa nhà dột nát, tạm bợ, vay vốn, xây dựng công trình nông thôn mới và mô hình kinh tế... cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác tham gia, với kinh phí hơn 656 triệu đồng;

- Tỉnh đoàn Đắk Lắk: Đã thực hiện các công trình, phần việc thanh niên, xây dựng nhà nhân ái, sửa chữa nhà cộng đồng, sân bóng chuyền, bê tông hóa đường giao thông, nhà vệ sinh cộng đồng, tặng quà cho gia đình khó khăn, xây dựng mô hình phát triển kinh tế cho thanh niên..., góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh với kinh phí hơn 5.219 triệu đồng.

#### **IV. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO**

**1. Ngân sách Trung ương:** Vốn ngân sách Trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 là 235.146 triệu đồng (Vốn ĐTPT: 166.460 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 68.686 triệu đồng).

**2. Ngân sách địa phương:** Vốn ngân sách tỉnh dự kiến bố trí thực hiện Chương trình là 13.870 triệu đồng. Trong đó: Vốn ĐTPT là 7.000 triệu đồng; Vốn sự nghiệp dự kiến bố trí đối ứng từ ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình là 6.870 triệu đồng.

**3. Huy động khác:** Huy động các nguồn hỗ trợ, giúp đỡ từ các cá nhân, tổ chức; các sở, ngành, đơn vị, các địa phương kết nghĩa và các nguồn lực huy động từ các nguồn lực hợp pháp khác: Dự kiến tổng kinh phí huy động là 1.350 triệu đồng (vốn ĐTPT: 450, vốn sự nghiệp: 900 triệu đồng) từ cộng đồng, doanh nghiệp... sử dụng để triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình; hỗ trợ làm nhà ở, phát triển sản xuất, sinh kế, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản mà người dân thiếu hụt...

#### **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

##### **1. Những mặt được**

- Chương trình Giảm nghèo bền vững đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể quan tâm, chỉ đạo trở thành nhiệm vụ, mục tiêu ưu tiên, được cụ thể hóa thành Chương trình của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, kế hoạch của UBND các cấp và của từng đơn vị. Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp đã được thành lập, kiện toàn kịp thời, hoạt động có hiệu quả;

- Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội như: Nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã

hội, các chính sách dạy nghề, khuyến nông, hỗ trợ về y tế, giáo dục, trợ giúp pháp lý, tiền điện góp phần tạo việc làm, giảm nghèo và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Bên cạnh triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo; các chương trình, dự án khác đã được lồng ghép, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội như: nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội, các chính sách dạy nghề, khuyến nông, hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, trợ giúp pháp lý, góp phần tạo việc làm, giảm nghèo và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 đã được chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã; các địa phương cơ bản đã thực hiện đúng quy trình rà soát theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016, Thông tư 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Một số đơn vị, địa phương chưa xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025;

- Chất lượng giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ phát sinh và tái nghèo cao do những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, biến động giá cả, tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường... Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo ở một số địa phương, đặc biệt là trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, chủ yếu tập trung ở các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; mức độ thiếu hụt tiếp cận một số dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, nước sạch và vệ sinh còn cao;

- Tiến độ thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 còn chậm theo so với kế hoạch đề ra.

### **\* Nguyên nhân:**

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương chỉ mới ban hành; do đó, địa phương chỉ mới kịp hoàn thiện, tham mưu ban hành Kế hoạch chương trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh vào cuối quý II, đầu quý III năm 2022;

- Cấp ủy, chính quyền, Ban Chỉ đạo ở một số địa phương chưa thật sự quan tâm, coi trọng đúng mức đối với công tác giảm nghèo bền vững, do đó, việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo chưa cụ thể, chưa phù hợp với từng đơn vị, địa phương, với từng nhóm đối tượng thuộc diện của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; chưa đối ứng nguồn vốn của địa phương để

thực hiện Chương trình; chưa thường xuyên, quyết liệt trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát; thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng, đôi khi chưa phù hợp với một số đối tượng; một số địa phương trong tỉnh chưa quan tâm nhiều đến công tác tuyên truyền, giáo dục cho người dân, nên vẫn còn một số hộ nghèo chưa nắm bắt và tiếp cận kịp thời các chủ trương, chính sách về giảm nghèo, thiếu ý chí tự lực vươn lên đã trở thành rào cản trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững;

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hết sức phức tạp, làm ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của các sở, ngành của tỉnh và các địa phương; công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021;

- Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 trùng vào thời điểm vụ mùa thu hoạch cà phê, bão lũ kéo dài nên rà soát viên phải tới hộ gia đình nhiều lần; bên cạnh đó, một bộ phận người dân đi làm ăn xa (không ở nhà tại thời điểm rà soát) nên ảnh hưởng đến tiến độ rà soát. Bên cạnh đó, năng lực của Ban tự quản, rà soát viên ở cấp thôn còn yếu; nhân sự Ban tự quản cấp thôn có sự thay đổi; vì đầu nhiệm kỳ một số xã không được bố trí cộng tác viên giảm nghèo; bên cạnh đó, đây là năm đầu tiên tổ chức rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và có thay đổi so với giai đoạn 2016 - 2021 nên rà soát viên còn lúng túng.

## **B. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023**

### **I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2023**

#### **1. Thuận lợi**

Thời gian qua, cùng với việc tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác giảm nghèo bền vững, tỉnh Đắk Lắk đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xem công tác giảm nghèo đa chiều là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của hệ thống chính trị và xã hội, qua đó tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

#### **2. Khó khăn**

Hiện nay, vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vẫn là nơi khó khăn nhất, kinh tế - xã hội chậm phát triển, đặc biệt là cơ sở hạ tầng kinh tế, tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng so với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế; chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản chưa cao; nguồn nhân lực, thu nhập bình quân đầu người ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với mặt bằng chung của tỉnh vẫn còn ở mức thấp; tỷ lệ hộ nghèo và

cận nghèo còn cao, chất lượng giảm nghèo chưa thật sự bền vững. Bên cạnh đó, người nghèo chủ yếu lao động giản đơn trong sản xuất nông nghiệp, bị ảnh hưởng trực tiếp của biến đổi khí hậu và diễn biến dịch bệnh xảy ra ngày càng phức tạp. Bởi vậy, việc thực hiện chính sách giảm nghèo của tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; tập trung nguồn lực hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; phân đấu hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo trong giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết số 24/2021/NQ ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Phần đầu đạt chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025) từ 1,5-2,0%; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số từ 3,0-4,0%;

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục triển khai, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo như: Tín dụng ưu đãi; khuyến nông, lâm và phát triển thủy sản; học nghề; y tế; giáo dục; trợ giúp pháp lý...

## **III. NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 610.300 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 271.500 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 338.800 triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 546.000 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 238.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 308.000 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 64.300 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 33.500 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 30.800 triệu đồng).

## **IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo**

#### **1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**

- a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các địa

bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Đối tượng: Gồm 02 huyện nghèo Ea Súp và M'Drăk.

c) Nội dung hỗ trợ: Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện nghèo, cụ thể:

- Hoạt động 01: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

- + Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;
- + Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- + Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- + Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- + Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- + Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;

+ Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng người nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa, dân tộc, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và dịch vụ, cải thiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

- Hoạt động 02: Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 233.300 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 212.400 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 20.900 triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 206.000 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 187.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 19.000 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 27.300 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 25.400 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.900 triệu đồng).

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND huyện Ea Súp và M'Drăk xây dựng, tổng hợp danh mục các công trình hạ tầng đầu tư trên cơ sở kế hoạch của UBND cấp xã và quy hoạch của địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn đối với những công trình do cấp xã làm chủ đầu tư, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn hằng năm, giai đoạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn cộng đồng đề xuất công trình hạ tầng cần đầu tư, duy tu bảo dưỡng; thực hiện các nội dung được giao theo thẩm quyền.

### ***1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt***

a) Mục tiêu: Hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Huyện nghèo đăng ký kế hoạch thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Huyện M'Drăk).

c) Nội dung hỗ trợ: Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm một số công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) nhằm tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân theo Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 49.500 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 46.200 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 3.300 triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 45.000 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 42.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 3.000 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 4.500 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 4.200 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 300 triệu đồng).

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND huyện nghèo (huyện M'Drăk) đăng ký kế hoạch thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025 xây dựng kế hoạch thoát nghèo; xây dựng, tổng hợp danh mục các công trình hạ tầng đầu tư trên cơ sở kế hoạch của UBND cấp xã và quy hoạch của địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa

bàn đối với những công trình do cấp xã làm chủ đầu tư, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn hằng năm, giai đoạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn cộng đồng đề xuất công trình hạ tầng cần đầu tư; thực hiện các nội dung được giao theo thẩm quyền.

## **2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

2.1 Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

### **2.2 Nội dung hỗ trợ:**

- Hỗ trợ xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; trang thiết bị, vật tư, công cụ, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

2.3 Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án 2: 88.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 80.000 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 8.000 triệu đồng.

### **2.4 Tổ chức thực hiện:**

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án cho UBND tỉnh, Bộ LĐTBXH theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn cơ sở xây dựng dự án, hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện;

- UBND cấp xã hướng dẫn cộng đồng xây dựng dự án, phê duyệt dự án, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả theo định kỳ và hằng năm;

- Cộng đồng đề xuất, xây dựng dự án, trình UBND cấp xã phê duyệt, trực tiếp triển khai thực hiện, đánh giá kết quả và báo cáo theo quy định;

- Thúc đẩy hợp tác với các đối tác để tăng cường hỗ trợ kỹ thuật cho cộng đồng, nhóm hộ để tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

### **3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

#### **3.1 Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ người nghèo; người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kết nối giữa người sản xuất và các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

#### **b) Nội dung:**

- Hỗ trợ phát triển, đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng;

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi;

- Tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo: Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kinh tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với tính chất của hoạt động sinh kế định hướng thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia cam kết bao tiêu sản phẩm;

- Hỗ trợ việc phát hiện, đánh giá, tài liệu hóa, thử nghiệm, thí điểm các mô hình, giải pháp về phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị mang tính sáng tạo, hiệu quả tại các địa bàn cụ thể và hỗ trợ nhân rộng, thể chế hóa các mô hình, giải pháp đó ở quy mô lớn hơn, ở các địa bàn khác; ưu tiên nhân rộng các mô hình, giải pháp sáng tạo, hiệu quả có sự tham gia tích cực, chủ động của các địa phương, đối tác phát triển, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ quan dịch vụ công, các trường.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 1: 39.600 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 36.000 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 3.600 triệu đồng.

d) Tổ chức thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn cơ sở xây dựng dự án, hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện;

- UBND cấp xã hướng dẫn cộng đồng xây dựng dự án, phê duyệt dự án, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả theo định kỳ;

- Cộng đồng đề xuất, xây dựng dự án, trình UBND cấp xã phê duyệt, trực tiếp triển khai thực hiện, đánh giá kết quả và báo cáo theo quy định;

- Thúc đẩy hợp tác với các đối tác để tăng cường hỗ trợ kỹ thuật cho cộng đồng, nhóm hộ để tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

### **3.2 Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo) và trẻ em vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn. Trong đó:

- Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở bà mẹ và trẻ em vùng khó khăn, hộ nghèo và cận nghèo;

- Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ vùng khó khăn, hộ nghèo và hộ cận nghèo;

- Bảo đảm an ninh thực phẩm và ứng phó về dinh dưỡng với tình huống khẩn cấp cho trẻ em tại vùng khó khăn.

b) Nội dung

- Hoạt động 1: Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn;

- Hoạt động 2: Tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ 5-16 tuổi);

- Hoạt động 3. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em 0-16 tuổi;

- Hoạt động 4. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản và cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã; tăng cường nguồn lực và vai trò phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em 0-16 tuổi;

- Hoạt động 5. Theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả hoạt động.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 2: 11.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 10.000 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 1.000 triệu đồng.

d) Tổ chức thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất. Căn cứ vào thực trạng tình hình dinh dưỡng và điều kiện thực tế của địa phương cũng như các định hướng của các Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 để xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh đến năm 2025 trình UBND tỉnh phê duyệt. Sở Y tế phối hợp với các sở, đơn vị liên quan để lồng ghép và huy động nguồn lực từ các chương trình khác.

#### **4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

##### **4.1 Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Nội dung hoạt động:

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng nghèo, vùng khó khăn;

- Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nghèo, vùng khó khăn;

- Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 1: 99.600 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 44.600 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 55.000 triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 88.000 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 38.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 50.000 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 11.600 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 6.600 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 5.000 triệu đồng).

d) Tổ chức thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

#### ***4.2 Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng***

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo) và người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ người lao động cư trú trên các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài: Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian tham gia đào tạo, trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe; làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; vay vốn tại Ngân hàng chính sách để đi làm việc ở nước ngoài. Hỗ trợ giới thiệu, tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 2: 3.300 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 3.000 triệu đồng;

- + Ngân sách địa phương: 300 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

### **4.3 Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn.

b) Nội dung:

- Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động: Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; đầu tư, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến.

- Hỗ trợ giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động;

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư: Xây dựng, vận hành, duy trì và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm, thu thập, cập nhật thông tin của người lao động để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động;

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;

- Hỗ trợ kết nối việc làm.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 3: 34.300 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 14.500 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 19.800 triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 31.000 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 13.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 18.000 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 3.300 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 1.500 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.800 triệu đồng).

d) Tổ chức thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

### **5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo; bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Nội dung thực hiện: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo để thực hiện xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, đảm bảo sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình có nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> và “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án: 77.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 70.000 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 7.000 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

## **6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

### **6.1 Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**

#### **a) Mục tiêu:**

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo) có nhu cầu, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông, dịch vụ truy nhập internet;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này;

- Tăng cường cung cấp thông tin về cơ sở, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi các thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

#### **b) Nội dung:**

- Hỗ trợ người nghèo, người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn tiếp cận, sử dụng dịch vụ thông tin, viễn thông, dịch vụ truy nhập internet để nâng cao kiến thức, năng lực thoát nghèo, phục vụ sản xuất, tìm việc làm, tạo sinh kế bền vững;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các huyện nghèo, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo; hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương;

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền, ưu tiên cho cán bộ cấp xã và cấp thôn, bản; nâng cao hiệu quả hoạt động của các đài truyền thanh xã ở vùng nghèo, vùng khó khăn;

- Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của nhà nước và đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân;

- Hỗ trợ sản xuất, biên tập, phát sóng, phát hành, truyền tải, lưu trữ, quảng bá, phục vụ người đọc các sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, xuất bản phẩm và các sản phẩm thông tin khác để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình về giảm nghèo và các thông tin thiết yếu khác.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu Dự án 1: 3.300 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 3.000 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 300 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

## **6.2 Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Nội dung:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân tương ái” của dân tộc ta đối với người nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Truyền thông, định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng các chương trình, chính sách giảm nghèo, dạy nghề, việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu Dự án 2: 4.400 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 4.000 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 400 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

## **7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình**

### **7.1 Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Nội dung:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo (việc làm, giáo dục nghề nghiệp, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin), trợ giúp pháp lý, lồng ghép giới, hỗ trợ người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn không rơi vào tình trạng đói nghèo;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị về giảm nghèo.

c) Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu Dự án 1: 11.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 10.000 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 1.000 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

### **7.2 Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá**

a) Mục tiêu:

- Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Nội dung:

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết);

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

c) Nhu cầu vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu Dự án 2: 5.500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 5.000 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 500 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

*(Có các Biểu số I, II, III kèm theo)*

## **V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình**

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện huyện nghèo; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên;

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng

nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân;

- Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

## 2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

- Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng;

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng;

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung với các dự án, nội dung thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh; ưu tiên tại các huyện nghèo.

## 3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

- Ban chỉ đạo các cấp: Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Về cơ chế thực hiện

- + Cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- + Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất;

- + Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở

nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình;

+ Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng;

+ Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

#### 4. Về công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025.

### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

#### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và địa phương tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể năm 2023, giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương triển khai thực hiện;

- Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 và Dự án 7;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình; tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình năm 2023, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

## **3. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch năm 2023, tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) để đảm bảo hoạt động của Chương trình;

- Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình.

## **4. Các sở, ban, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần**

- Hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc Kế hoạch được phân công chủ trì;

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ban, ngành, địa phương;

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và sở, ban, ngành có liên quan, địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, Dự án, Tiểu dự án thành phần của Kế hoạch chủ trì theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh;

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc lĩnh vực quản lý.

**5. Các sở, ban, ngành liên quan:** Theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai các nội dung trong kế hoạch, tích cực tham gia thực hiện Chương trình. Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

**6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh** và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

## **7. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025;
- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023;
- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình;
- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát;
- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các phòng, ban, đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;
- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội và Nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện Chương trình; khen thưởng, động viên và nhân rộng những mô hình điển hình tiên tiến, gương nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị chủ trì các Dự án, Tiểu dự án thành phần theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, tổng hợp theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các phòng: TH, KT;
- Lưu: VT, KGVX (N – 5b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**H'Yim Kdoh**